

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 194/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/4/2023
V/v ly hôn giữa bà L, ông Đ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Doãn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Nguyễn Minh Nam

2. Ông Đỗ Xuân Nam

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Mai Như Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử công khai vụ án thụ lý số 862/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/11/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị L (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 227/20 N, Phường 8, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh Đ (Vắng mặt)

Địa chỉ: 227/20 N, Phường 8, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị L và ông Nguyễn Minh Đ tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01/2002 ngày 14/10/2002 tại Ủy ban nhân

dân Phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm và không hòa hợp. Bà L đã cố gắng hàn gắn nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L xin ly hôn với ông Nguyễn Minh Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 25/7/2003 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 06/5/2006. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Hoàng P và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Nguyễn Minh Đ nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an Phường 8, quận Phú Nhuận thì ông Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 227/20 N, Phường 8, quận Phú Nhuận. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt giấy triệu tập đối với bị đơn theo quy định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu quan điểm:*

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:*

Bà Phan Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Minh Đ, tại thời điểm Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại quận Phú Nhuận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01/2002 ngày 14/10/2002 do Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Phú Nhuận cấp, thể hiện hôn nhân giữa bà Phan Thị L và ông Nguyễn Minh Đ là hợp pháp.

Theo kết quả xác minh thì hiện tại ông Nguyễn Minh Đ và bà Phan Thị L cũng không còn sống chung với nhau.

Xét thấy, suốt giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, ông Đ không có mặt để trình bày ý kiến cũng như quan điểm về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và cũng không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào. Điều này cho thấy ông Đ thờ ơ, không quan tâm việc duy trì quan hệ hôn nhân với bà L. Mặc khác tình cảm của bà L dành cho ông Đ không còn, bà L không muốn hàn gắn gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà L yêu cầu ly hôn ông Đ để ổn định cuộc sống là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 25/7/2003 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 06/5/2006. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hoàng P và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Theo nguyện vọng của trẻ Nguyễn Hoàng P thì trẻ có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao trẻ Nguyễn Hoàng P cho bà Phan Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà L tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị L ly hôn với ông Nguyễn Minh Đ.

1.2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 25/7/2003 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 06/5/2006.

Giao trẻ Nguyễn Hoàng P cho bà Phan Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L tự khai không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Phan Thị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029881 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Phú Nhuận;
- CCTHADS Q.Phú Nhuận;
- UBND P. 8, Q. Phú Nhuận;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Doãn Hiếu